**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN NGHI LỘC**
**TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phùng Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân*: ông Lê Khắc Thiện và ông Hoàng Văn Minh.

***- Thư ký tòa án:*** Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn T đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và sinh được 02 (hai) người con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gỗ lẫn nhau. Mặc dù chị cũng đã cố gắng nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 (hai) con chung là Mai Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-8-2010 và Mai Nguyễn Anh K, sinh ngày 28-10-2017. Nguyện vọng của chị được nuôi con chung là Mai Nguyễn Anh K. Còn con chung Mai Nguyễn Hoàng A giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Văn T vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ vào bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Truyền trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 9 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Hiện tại anh cũng xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên do anh là người theo Công giáo nên không được phép ly hôn. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 02 (hai) con chung là Mai Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-8-2010 và Mai Nguyễn Anh K, sinh ngày 28-10-2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi con chung là cháu A, còn chị Đ nuôi cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Mai Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung là Mai Nguyễn Anh K, sinh ngày 28-10-2017 cho chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Mai Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-8-2010 cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn Truyền có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn T thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ để xác định: Trong quá trình chung sống chị Đ và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Đ và anh T đều cho rằng là do bất đồng quan điểm sống, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau nên từ đó vợ chồng thường xuyên xúc phạm, chửi bới lẫn nhau. Hiện tại chị Đ và anh T đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, còn anh T mặc dù không còn tình cảm gì với chị Đ nữa nhưng do anh T theo Công Giáo nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy việc anh T không đồng ý ly hôn vì lý do anh Truyền theo Công Giáo đó là ý kiến cá nhân của anh T. Còn pháp luật không

quy định người theo Công giáo không được phép ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Mai Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-8-2010 và Mai Nguyễn Anh K, sinh ngày 28-10-2017. Nay ly hôn chị Đ có nguyện vọng nuôi con chung là Mai Nguyễn Anh K, còn anh T có nguyên vọng nuôi con chung là Mai Nguyễn Hoàng A. Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của các bên là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Đ và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Đ là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Mai Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Mai Nguyễn Anh K, sinh ngày 28-10-2017 cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Mai Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-8-2010 cho anh Mai Văn T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0005523 ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã N;
- CCTHADS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Thị Hương Giang**